

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2020/HSST

Ngày 11/11/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thịnh Quang Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Yêm

Ông Dương Xuân Đính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 192/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Chu Văn T;** **Giới tính:** Nam; **Sinh năm 1966 tại:** Hà Nội; **Nơi cư trú:** Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội. **Nghề nghiệp:** Lao động tự do; **Văn hóa:** 11/12; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Con ông:** Chu Văn T1 (đã chết) và con bà: Trần Thị M (đã chết); **Vợ:** Đinh Kim P – Có 02 con lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2001; **Tiền sự:** Không; **Tiền án:** Không; **Nhân thân:** Ngày 25/11/2008 Công an huyện Mê Linh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau và Bắt giữ người trái pháp luật (đã nộp phạt); Ngày 08/8/1994 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử 15 tháng tù giam tội Môi giới mại dâm. Ra trại ngày 20/11/1995 (đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2020 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại giam số 1 - Công an TP. Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nguyễn Văn T2 và ông Vũ Văn D – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 5 thành phố Hà Nội; Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1. Chị Trần Thị Thu T2, sinh năm: 1985, HKTT: Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội; Có đơn xin vắng mặt

1.2. Chị Triệu Thị N, sinh năm: 1984, HKTT: Thôn N, xã T, huyện C, Bắc Kạn; Chỗ ở: Thôn T, xã D, huyện Đ, Hà Nội; Có đơn xin vắng mặt.

1.3. Bà Đinh Kim P, sinh năm: 1970, HKTT: Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 17/6/2020 Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an huyện Đ phối hợp với Công an thị trấn Đ tiến hành kiểm tra hành chính phòng 204, nhà nghỉ Phố Vắng có địa chỉ tại Tô 36, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội do Phạm Thanh H (SN: 1973; HKTT: Tô 36, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội) làm chủ. Tại thời điểm kiểm tra trong phòng 204 có 02 nữ giới là Trần Thị Thu T2 (SN: 1985, HKTT: Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội) và Triệu Thị N (SN: 1984, HKTT: Thôn N, xã T, huyện C, Bắc Kạn; Chỗ ở: Thôn T, xã D, huyện Đ, Hà Nội) đang ở trong phòng có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, tổ công tác đã phát hiện và thu giữ tại mặt bàn kê tivi trong phòng có: 01 chai nhựa, màu trắng trên nắp có gắn 02 ống hút bằng nhựa; 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (3x5)cm đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy bạc kích thước khoảng (10x15)cm đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy bạc, kích thước khoảng (1,5x30)cm đã qua sử dụng và 01 bật lửa ga. Khám người theo thủ tục hành chính đối với Trần Thị Thu T2 phát hiện tạm giữ 100.000 đồng. Đấu tranh tại chỗ Trần Thị Thu T2 và Triệu Thị N khai nhận đang ngồi sử dụng trái phép chất ma túy tổng hợp, số tang vật lực lượng Công an thu giữ là dụng cụ để T2 và N sử dụng ma túy. Lực lượng Công an đã lập biên bản tạm giữ, niêm phong vật chứng rồi đưa T2 và N về trụ sở để tiếp tục điều tra làm rõ.

Tại Bản Kết luận giám định số 4865/KLGD-PC09 ngày 24/06/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội, kết luận: 01 mảnh giấy bạc kích thước (10 x 15) cm, 01 mảnh giấy bạc kích thước (1,5 x 30)cm và 01 vỏ túi nilông kích thước (03 x 05)cm đều có dính ma túy loại Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị Thu T2 và Triệu Thị N khai nhận nguồn gốc số ma túy T2 và N sử dụng là do T2, N góp tiền để mua ma túy của một người đàn ông tên là T, sinh năm 1966, nhà ở thôn Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội nhằm mục đích sử dụng vào sáng ngày 17/6/2020 tại nhà của T2 ở thôn Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội.

Căn cứ lời khai của Trần Thị Thu T2 và Triệu Thị N, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và xác định người mà T2 và N mua ma túy sáng ngày 17/6/2020 là Chu Văn T (SN: 1966, HKTT: Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội). Ngày 17/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Đ đã ra Lệnh khám xét

khẩn cấp người, nơi ở, đồ vật, tài liệu tại thôn Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội đối với Chu Văn T về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Tại thời điểm khám xét T đang có mặt tại nhà.

Quá trình khám xét khẩn cấp phát hiện và thu giữ: Tại chậu cây ở góc sân gần cổng nhà T có: 01 túi nilon màu xanh, kích thước khoảng (7x10)cm, bên trong có 101 viên nén hình tròn màu hồng đều nghi là ma túy tổng hợp; 01 túi nilon màu xanh, kích thước khoảng (7x10)cm đã qua sử dụng. Tại mặt chiếu trong phòng khách có: 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, số thuê bao: 0968179170, số Imei: 990002762708426. Trong túi xách treo ở móc quần áo trong phòng ngủ có: 12.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đỏ-đen, số thuê bao: 0912272390, số Imei: 358802020010309; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng, số thuê bao: 0927719163, số Imei1: 354493095888722, số Imei2: 354495090888722.

Cơ quan Công an đã lập biên bản tạm giữ, niêm phong vật chứng rồi đưa Chu Văn T về trụ sở để tiếp tục điều tra làm rõ.

Tại Bản Kết luận giám định số 4905/KLGD-PC09 ngày 25/06/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội, kết luận: 101 viên nén hình tròn màu hồng bên trong 01 túi nilông màu xanh đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 10,212 gam; 01 túi nilông màu xanh có dính ma túy loại Methamphetamine

Tại Cơ quan điều tra, Chu Văn T khai nhận: Cách ngày bị bắt khoảng 10 ngày, Chu Văn T đi đến khu vực xã Kim Chung, T gặp một người đàn ông không quen biết và mua của người đàn ông này 150 viên ma túy ngựa với giá 6.000.000 đồng (tức 40.000 đồng/01 viên) và 01 túi ma túy đá giá 2.700.000 đồng. Sau khi mua được ma túy T mang về nhà cất giấu và bỏ một phần ma túy mua được ra sử dụng dần. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 17/6/2020 khi T đang ở nhà tại Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội thì Trần Thị Thu T2 gọi điện rủ T đến nhà T2 chơi, T đồng ý. Sau đó T cầm theo 01 túi ma túy “đá” và túi ma túy bên trong chứa ma túy “ngựa” rồi đi bộ sang nhà T2 ở cùng thôn Đản Mỗ, xã Uy Nỗ với T. Khi đến nhà T2 thì T gặp T2 và một người bạn của T2 tên là Triệu Thị N. Tại đây, T bỏ ma túy “đá” và ma túy “ngựa” ra rồi cùng T2 và N sử dụng ma túy. Trong quá trình sử dụng ma túy, T2 đặt vấn đề với T mua 40 viên ma túy ngựa và 01 túi ma túy đá; T2 nói lấy cả cho bạn của T2 là N cùng có mặt tại đó (BL 117-118; 217-218). T đồng ý và đưa cho T2 đủ số lượng T2 mua. Khi này T báo giá cho T2 số ma túy T2 mua có giá 4.000.000 đồng (gồm 2.400.000 đồng là giá của 40 viên ma túy ngựa và 1.600.000 đồng là giá 01 túi ma túy đá). T2 đồng ý và trả cho T số tiền 2.000.000 đồng và nợ lại 2.000.000 đồng. T đồng ý và cầm tiền T2 đưa rồi ngồi tiếp tục sử dụng ma túy. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, T không sử dụng ma túy nữa mà cầm theo túi ma túy “ngựa” đi về nhà ngủ. Đến khoảng hơn 13 giờ 30 cùng ngày, T2 và N đi qua nhà T gặp và trả thêm cho T 1.000.000 đồng (BL94-95,98-105,108-114,117-118.).

Mục đích Chu Văn T bán ma túy cho T2 nhằm kiếm lời. T khai mua 150 viên ma túy ngựa với giá 40.000 đồng /01 viên và bán cho T2 40 viên ma túy ngựa với giá 60.000 đồng /01 viên còn túi ma túy đá T bán cho T2 không lấy tiền lãi. Như vậy T được hưởng lợi khoảng 800.000 đồng từ việc bán ma túy cho T2. Về số ma túy gồm 101 viên ma túy “ngựa” phát hiện thu giữ trong nhà của T trong quá trình khám xét, T khai nhận sau khi bán ma túy cho T2 xong, số ma túy không bán hết còn lại T mang về cất giấu tại chậu cây cảnh trong sân nhà nhằm mục đích để bán và sử dụng cho bản thân khi có nhu cầu (BL 106-109, 119-120, 125-126..).

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị Thu T2 và Triệu Thị N khai nhận phù hợp với lời khai của Chu Văn T, phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được. T2 và N đều là người nghiện nên đã bàn với nhau cùng góp tiền để mua ma túy sử dụng. Ngày 17/6/2020, N góp 1.000.000 đồng còn T2 góp 2.000.000 đồng để mua ma túy. T2 là người cầm tiền trực tiếp gọi điện giao dịch mua ma túy của Chu Văn T. Khi T mang ma túy đến nhà T2 thì tại đây T2 đã mua 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá và 40 viên ma túy “ngựa” của T với giá 4.000.000 đồng nhưng mới trả cho T 3.000.000 đồng còn nợ lại 1.000.000 đồng chưa trả cho T. Sau khi mua được ma túy thì T2 và N cùng nhau sử dụng số ma túy mua được tại nhà T2 và mang đến nhà nghỉ Phố Vắng thuê phòng 204 để sử dụng tiếp. Khi T2 và N đang sử dụng ma túy trong phòng 204 nhà nghỉ Phố Vắng, thấy có lực lượng Công an đến kiểm tra nên T2 đã tẩu tán số ma túy chưa sử dụng hết vào bồn cầu nhà vệ sinh trong phòng nghỉ. Mục đích T2 và N mua ma túy của Chu Văn T chỉ để sử dụng cho nhu cầu của bản thân.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Chu Văn T tại khu vực xã K, huyện Đ, Hà Nội do T khai không biết họ tên, tuổi và địa chỉ của người bán ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng không đủ căn cứ làm rõ người đã bán ma túy cho Chu Văn T

Đối với Trần Thị Thu T2 và Triệu Thị N đều là người nghiện ma túy và có hành vi mua ma túy nhằm mục đích để sử dụng cho nhu cầu bản thân. Ngày 17/6/2020, tại phòng 204 nhà nghỉ Phố Vắng khi T2 cùng N đang sử dụng ma túy thấy có lực lượng Công an đến kiểm tra nên T2 đã tẩu tán tiêu hủy số ma túy còn thừa chưa sử dụng hết vào bồn cầu nhà vệ sinh trong phòng nghỉ. Lực lượng Công an không thu hồi được số ma túy này nên không có căn cứ làm rõ để xử lý T2, N về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T2 và N đã vi phạm khoản 1, điều 21, Nghị định 167/NĐ –CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Ngày 29/9/2020, Công an huyện Đ ra Quyết định xử phạt Vi phạm hành chính đối với T2 và N bằng hình thức Cảnh cáo.

Đối với nhà nghỉ Phố Vắng có địa chỉ tại Tổ 36, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội do bà Phạm Thanh H (Sinh năm: 1971, HKTT: Tô 36, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội) làm chủ cơ sở, do bà H nghi ngờ T2 và N đến thuê phòng 204 để sử dụng ma túy nên đã trình báo lực lượng Công an đến kiểm tra. Vì vậy Cơ quan điều tra

không đề cập xử lý đối với cơ sở kinh doanh trên. Bà H không đề nghị T2 và N phải thanh toán tiền thuê phòng.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đỏ-đen, lắp sim số thuê bao: 0912272390 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng lắp sim số thuê bao: 0927719163 tạm giữ của Chu Văn T; quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của T, không liên quan đến vụ án. Chu Văn T có đơn ủy quyền đề nghị trao trả lại 02 chiếc điện thoại trên cho vợ là bà Đinh Kim P (SN: 1970, HKTT: Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội) quản lý sử dụng. Ngày 02/10/2020, Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho bà P 02 chiếc điện thoại di động nêu trên.

Đối với 01 phong bì niêm phong chứa 9,531 gam Methamphetamine (*sau trích mẫu 0,681 gam*) và 01 vỏ túi nilon màu xanh dính ma túy Methamphetamine có chữ ký niêm phong của Chu Văn T, giám định viên và cán bộ niêm phong; 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa 02 mảnh giấy bạc và 01 vỏ túi nilon đều có dính ma túy loại Methamphetamine có chữ ký niêm phong của Trần Thị Thu T2 và Triệu Thị N, chữ ký niêm phong của Giám định viên và cán bộ điều tra; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (*gồm chai nhựa có gắn ống hút bằng nhựa trên nắp chai*); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng lắp sim số thuê bao: 0968179170 tạm giữ của Chu Văn T (là điện thoại T dùng để đăng nhập vào ứng dụng Zalo để liên lạc mua bán ma túy với T2) là vật chứng của vụ án chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với số tiền 13.500.000 đồng tạm giữ của Chu Văn T: quá trình điều tra xác định 3.000.000 đồng là tiền T2 trả cho T để mua ma túy ngày 17/6/2020; 10.500.000 đồng là tiền do bà P đưa cho T trước đó 03 ngày để T đóng tiền học phí cho con; chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền, đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 100.000 đồng tạm giữ của Trần Thị Thu T2; quá trình điều tra xác định là tiền của T2 do lao động mà có; chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 187/CT.VKS ngày 23/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã truy tố Chu Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm c, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố Chu Văn T theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c, i khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

+ Chu Văn T từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Tịch thu số tiền 10.500.000 đồng là tài sản của bị cáo nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong chứa 9,531 gam Methamphetamine (*sau trích mẫu 0,681 gam*) và 01 vỏ túi nilon màu xanh dính ma túy Methamphetamine có chữ ký niêm phong của Chu Văn T, giám định viên và cán bộ niêm phong; 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa 02 mảnh giấy bạc và 01 vỏ túi nilon đều có dính ma túy loại Methamphetamine có chữ ký niêm phong của Trần Thị Thu T2 và Triệu Thị N, chữ ký niêm phong của Giám định viên và cán bộ điều tra; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (*gồm chai nhựa có gắn ống hút bằng nhựa trên nắp chai*);

+ Tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng lắp sim số thuê bao: 0968179170 tạm giữ của Chu Văn T (là điện thoại T dùng để đăng nhập vào ứng dụng Zalo để liên lạc mua bán ma túy với T2) là vật chứng của vụ án

+ Tịch thu số tiền 13.500.000 đồng tạm giữ của Chu Văn T: quá trình điều tra xác định 3.000.000 đồng là tiền T2 trả cho T để mua ma túy ngày 17/6/200; 10.500.000 đồng là tài sản của bị cáo nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

+ Trả lại số tiền 100.000 đồng tạm giữ của Trần Thị Thu T2;

* Bị cáo Chu Văn T khai toàn bộ nội dung vụ án như bản cáo trạng đã nêu và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Ông T1 là Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Đối với tình tiết điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát truy tố thì ông không nhất trí. Vì khi giao dịch mua bán ma túy là do một mình chị Trần Thị Thu T2 đứng ra giao dịch từ đặt vấn đề mua ma túy, nhận ma túy, trả tiền cho bị cáo. N không tham gia bất kỳ giao dịch nào. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về việc mua bán ma túy với T2. Theo thông tư 17 ngày 25/12/2017 thì có hướng dẫn về hành vi phạm tội đối với nhiều người. Thì hành vi của T chỉ mua bán với T2, N không tham gia, T không bán ma túy cho N nên việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tình tiết định khung là theo điểm c (đối với 02 người trở lên) là không có căn cứ mà bị cáo chị phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i (...Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam) khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo có xuất trình về việc bị cáo được 2 lần tặng kỷ niệm chương vì đã có nhiều thành tích trong xây dựng và chiến đấu của sư đoàn 31, Quân đoàn 3 Hà Nội; Kỷ niệm chương đã có công trong huấn luyện, phục vụ chiến đấu và xây dựng đơn vị Tiểu đoàn 6. Đây là trường hợp người phạm tội có thành tích xuất sắc trong chiến đấu được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, đề nghị

HĐXX áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo thay vì áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS như viện kiểm sát đề nghị. Đối với hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 10.500.000đ là tiền bà P vợ bị cáo đưa cho bị cáo để đóng học cho con không liên quan đến việc phạm tội đề nghị HĐXX tuyên trả lại bị cáo số tiền này.

* Đại diện viện kiểm sát đối đáp và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: sáng ngày 17/6/2020, tại nhà Trần Thị Thu T2 ở Thôn D, xã U, huyện Đ, Hà Nội, bị cáo có bán ma túy cho Trần Thị Thu T2. T không bán ma túy cho Triệu Thị N; ngoài ra, Công an khám xét tại nhà của bị cáo thu giữ được 10,212 gam ma túy loại Methamphetamine. Số ma túy này, bị cáo mua nhằm mục đích để bán và sử dụng thì bị cơ quan công an phát hiện bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị Thu T2 khai nhận T2 và N đều là người nghiện nên đã bàn với nhau cùng góp tiền để mua ma túy sử dụng. Ngày 17/6/2020, N góp 1.000.000 đồng còn T2 góp 2.000.000 đồng để mua ma túy. T2 là người cầm tiền trực tiếp gọi điện giao dịch mua ma túy của Chu Văn T. Khi T mang ma túy đến nhà T2 thì tại đây T2 đã mua 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá và 40 viên ma túy “ngựa” của T với giá 4.000.000 đồng nhưng T2 mới trả cho T 3.000.000 đồng còn nợ lại 1.000.000 đồng chưa trả cho T.

Tại Cơ quan điều tra, Triệu Thị N khai nhận T2 và N đều là người nghiện nên đã bàn với nhau cùng góp tiền để mua ma túy sử dụng. Ngày 17/6/2020, N góp 1.000.000 đồng còn T2 góp 2.000.000 đồng để mua ma túy. T2 là người cầm tiền trực tiếp gọi điện giao dịch mua ma túy của Chu Văn T. Khi T mang ma túy đến nhà T2 thì tại đây T2 đã mua 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá và 40 viên ma túy “ngựa” của T với giá 4.000.000 đồng nhưng T2 mới trả cho T 3.000.000 đồng còn nợ lại 1.000.000 đồng chưa trả cho T. N không tham gia bất cứ giao dịch mua bán ma túy nào với T2.

Xét, lời khai nhận của bị cáo T phù hợp với lời khai của T2 và N, phù hợp với biên bản tạm giữ vật chứng, tài liệu giám định cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo T là người trực tiếp mua bán giao dịch ma túy với T2. N không tham gia trực tiếp mua bán ma túy với T. Mặc dù, N có mặt chứng kiến toàn bộ việc giao dịch mua ma túy giữa T và T2 nhưng N không tham gia hay có hành động cử chỉ, lời nói nào tham gia vào việc mua bán ma túy giữa T và T2. Do đó, xác định T chỉ mua bán ma túy với 1 người là T2. Vì vậy, không có cơ sở kết luận bị cáo T bán ma túy với *02 người trở lên* nên việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh truy tố bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm c (đối với nhiều người) là không có căn cứ mà bị cáo chỉ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i (...*Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*) khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử xác định bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i (...*Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*) khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều luật quy định:

- “1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*
- 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

.....

i) ...Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;”

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3.2]. Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo T có quan điểm: Quá trình điều tra, bị cáo có xuất trình về việc bị cáo được 2 lần tặng kỷ niệm chương vì đã có nhiều thành tích trong xây dựng và chiến đấu của sư đoàn 31, QĐ 3 Hà Nội; Kỷ niệm chương đã có công trong huấn luyện, phục vụ chiến đấu và xây dựng đơn vị Tiểu đoàn 6. Đây là trường hợp người phạm tội có thành tích xuất sắc trong chiến đấu được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo thay vì áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS như viện kiểm sát đề nghị. Xét việc bị cáo được tặng kỷ niệm chương không phải là văn bản chứng nhận bị cáo có thành tích xuất sắc trong chiến đấu nên quan điểm của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ. Mà trường hợp này bị cáo chỉ được hưởng tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý về chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh xã hội tại

địa phương. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi bán trái phép chất ma túy là phạm tội nhưng vì hám lợi bị cáo cố tình thực hiện. Tuy nhiên, khi lượng hình tòa án cũng xem xét, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.....*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai trong quá trình điều tra của bị cáo và tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là con nghiện, lao động tự do, thu nhập không ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng gồm :

+ Đối với 01 phong bì niêm phong chứa 9,531 gam Methamphetamine (*sau trích mẫu 0,681 gam*) và 01 vỏ túi nilon màu xanh dính ma túy Methamphetamine có chữ ký niêm phong của Chu Văn T, giám định viên và cán bộ niêm phong; 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa 02 mảnh giấy bạc và 01 vỏ túi nilon đều có dính ma túy loại Methamphetamine có chữ ký niêm phong của Trần Thị Thu T2 và Triệu Thị N, chữ ký niêm phong của Giám định viên và cán bộ điều tra; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (*gồm chai nhựa có gắn ống hút bằng nhựa trên nắp chai*) là vật chứng của vụ án nên tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng lắp sim số thuê bao: 0968179170 tạm giữ của Chu Văn T (là điện thoại T dùng để đăng nhập vào ứng dụng Zalo để liên lạc mua bán ma túy với T2) là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công.

+ Đối với số tiền 13.500.000 đồng tạm giữ của Chu Văn T: quá trình điều tra xác định 3.000.000 đồng là tiền T2 trả cho T để mua ma túy ngày 17/6/2020 do đó tịch thu sung công; Còn số tiền 10.500.000 đồng là tiền do bà P đưa cho T trước đó 03 ngày để T đóng tiền học phí cho con không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo

+ Đối với số tiền 100.000 đồng tạm giữ của Trần Thị Thu T2 cần tịch thu sung công.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Chu Văn T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào:

- Điểm i Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 298 Điều 331; Điều 333; Điều 336; Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1 mục I phần A – Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

1. Xử phạt: **Chu Văn T 09** (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2020.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong chứa 9,531 gam Methamphetamine (*sau trích mẫu 0,681 gam*) và 01 vỏ túi nilon màu xanh dính ma túy Methamphetamine có chữ ký niêm phong của Chu Văn T, giám định viên và cán bộ niêm phong; 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa 02 mảnh giấy bạc và 01 vỏ túi nilon đều có dính ma túy loại Methamphetamine có chữ ký niêm phong của Trần Thị Thu T2 và Triệu Thị N, chữ ký niêm phong của Giám định viên và cán bộ điều tra; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (*gồm chai nhựa có gắn ống hút bằng nhựa trên nắp chai*); (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2020 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh*)

+ Tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng lắp sim số thuê bao: 0968179170 tạm giữ của Chu Văn T (là điện thoại T dùng để đăng nhập vào ứng dụng Zalo để liên lạc mua bán ma túy với T2) là vật chứng của vụ án (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2020 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh*)

+ Đối với số tiền 13.500.000 đồng tạm giữ của Chu Văn T: Trong đó 3.000.000 đồng là tiền T2 trả cho T để mua ma túy ngày 17/6/2020 do đó tịch thu sung công; Còn số tiền 10.500.000 đồng là tiền do bà P (vợ bị cáo T) đưa cho T trước đó 03 ngày để T đóng tiền học phí cho con không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo (*Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 27/10/2020 của Công an huyện Đ*)

+ Tịch thu số tiền 100.000 đồng tạm giữ của Trần Thị Thu T2 (*Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 27/10/2020 của Công an huyện Đ*)

4. Buộc bị cáo Chu Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Án xử sơ thẩm công khai, Bị cáo quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Cơ quan THA huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đ.
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu./.

Thịnh Quang Thắng